

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23-02-2022

V/v tranh chấp ly hôn,
tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

2. Bà Lê Kim Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 209/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2021, về tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXX-ST ngày 17 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị N, sinh năm 1982; Nơi cư trú: xã PT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Như Y, sinh năm 1983; Nơi cư trú: xã PT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 11 năm 2021, bản khai ngày 16 tháng 12 năm 2021, chị Bùi Thị N trình bày: Đầu năm 2011, chị và anh Lê Như Y được người mai mối với nhau, sau thời gian tìm hiểu thì cả hai tiến tới hôn nhân vào tháng 7 năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi cưới, chị và anh Y sống chung nhà với gia đình của anh Y. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc, nhưng đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do chuyện tình cảm giữa hai vợ chồng không hợp nhau, anh Y có phụ nữ khác, không còn quan tâm chăm lo cho gia đình, giữa chị và anh Y không còn quan tâm đến nhau nữa, mạnh ai nấy sống. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không hàn gắn tình cảm được nữa, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, nên chị yêu cầu ly hôn với anh Y. Về con chung: Có 02 con chung Lê Bảo D, sinh ngày 26 tháng 9 năm 2012 và Lê Hoài P, sinh ngày 17 tháng 4 năm 2017, nay ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh Lê Như Y cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị và anh Y đã tực thỏa thuận xong, nên không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Chị và anh Y chung sống không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với anh Lê Như Y, Tòa án đã triệu tập để hòa giải và xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự nhưng anh từ chối không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và xét xử.

Tại bản khai ngày 29 tháng 12 năm 2021, cháu Lê Bảo D trình bày: Ba với mẹ ly hôn nguyện vọng con ở với mẹ.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Bùi Thị N được ly hôn với anh Lê Như Y; về con chung: Giao 02 cháu Lê Bảo D và Lê Hoài P cho chị Bùi Thị N tiếp tục nuôi dưỡng, anh Lê Như Y không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N chưa có yêu cầu; về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu, nên Viện kiểm sát không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là vụ kiện tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Nguyên đơn chị Bùi Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Lê Như Y đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Bùi Thị N và anh Lê Như Y là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn và hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị N đối với anh Lê Như Y, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo trình bày của chị N thì cuộc sống của chị và anh Y không hạnh phúc, tình cảm giữa hai vợ chồng không còn hợp nhau, anh Y có phụ nữ khác, không còn quan tâm chăm lo cho gia đình, giữa chị và anh Y không còn quan tâm đến nhau nữa, mạnh ai nấy sống. Từ đó, có thể nhận thấy rằng mối quan hệ vợ chồng của chị N đối với anh Y hoàn toàn không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy, xét thấy yêu cầu ly hôn của chị N là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không*

thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được” và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, nên chấp nhận cho chị N ly hôn với anh Y.

[4] Về việc nuôi con: Chị Bùi Thị N yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung Lê Bảo D, sinh ngày 26 tháng 9 năm 2012 và Lê Hoài P, sinh ngày 17 tháng 4 năm 2017 và không yêu cầu anh Lê Như Y cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy, hai con chung từ khi chị N và anh Y không còn sống chung và hiện nay đều do chị N chăm sóc, nuôi dưỡng và để ổn định việc sinh hoạt của 02 cháu, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung, anh Như Y không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N chưa có yêu cầu và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về tài sản chung: Chị Bùi Thị N cho rằng đã tự thỏa thuận xong, nên không yêu cầu giải quyết, còn anh Lê Như Y không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về nợ chung: Chị Bùi Thị N cho rằng không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh Lê Như Y không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 53, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị N, cho ly hôn giữa chị Bùi Thị N và anh Lê Như Y.

2. Về việc nuôi con chung:

2.1. Chị Bùi Thị N được tiếp tục chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng 02 con chung Lê Bảo D, sinh ngày 26 tháng 9 năm 2012 và Lê Hoài P, sinh ngày 17 tháng 4 năm 2017.

2.2. Anh Lê Như Y không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Bùi Thị N chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003813 ngày 29 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- UBND xã PT, huyện HN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lương Bằng